

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÍ LINH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2021/ HNGĐ- ST

Ngày 06/9/2021

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung khi ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Chu Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Vũ Thị Linh

Bà Nguyễn Thị Phương Dung

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Đỗ Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 178/2021/TLST - HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2021 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1991

Nơi ĐKKHKT: KDC Đ, phường A, thành phố C, tỉnh H;

Nơi ở hiện nay: KDC K, phường V, thành phố C, tỉnh H;

Bị đơn: Anh Dương Văn N, sinh năm 1987

Địa chỉ: KDC Đ, phường A, thành phố C, tỉnh H.

Chị T vắng mặt(có đơn xin xử vắng mặt), anh N đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn và bị đơn trình bày:

Chị T và anh N kết hôn ngày 14-12-2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A(nay là UBND phường A), thành phố C, tỉnh H. Khi đó, chị T 22 tuổi làm

công nhân may, anh N 26 tuổi làm tại nhà ở phường A. Anh chị có thời gian yêu thương, tìm hiểu nhau được nửa năm thì đi đến kết hôn. Anh chị có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau ngày cưới, anh chị về chung sống tại gia đình nhà anh N. Theo chị T, trong thời gian 9 năm chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng với nhau. Nguyên nhân là do anh N mãi chơi, không quan tâm gì đến vợ con. Ngay cả khi chị sinh cháu thứ nhất, anh N mãi chơi máy tính, thường xuyên khóa trái cửa phòng, làm gì trong đó chị cũng không biết, chị gọi xuống ăn cơm anh cũng không xuống, hoặc xuống muộn và có lời nói không hay. Đến khi chị sinh cháu thứ hai, vợ chồng lại bất đồng về việc đặt tên cho con. Tên con trùng với tên người Thím cạnh nhà bố mẹ chị, dù chị có nói nhưng anh N và gia đình không nghe nên chị thấy anh N và gia đình coi thường chị và gia đình chị. Khi con cái đau ốm, anh N chưa khi nào đưa tiền cho chị để chăm lo con cái, chị phải vay nợ nhiều nơi nên chị thấy rất mệt mỏi. Hai năm gần đây, anh N mãi chơi, gây thất thoát kinh tế gia đình. Chị có trao đổi với bố mẹ chồng thì ông bà có nói ông bà không dậy được và hiện tại ông bà vẫn trả nợ thay cho anh N. Chị xác định không thể chịu đựng được nữa nên muốn ly hôn anh N. Anh N không những không níu kéo đoàn tụ mà có lời nói xúc phạm, thách thức chị. Hiện chị đã về nhà ngoại sinh sống từ tháng 6 năm 2021 đến nay, chị kiên quyết giữ quan điểm xin ly hôn anh N. Theo anh N, anh xác định trong cuộc sống vợ chồng không cãi cọ, chửi mắng nhau. Tình cảm hai bên gia đình vẫn hòa thuận, yên ấm, không có xích mích. Anh vẫn còn tình cảm và thương chị T nên vẫn mong chị về chung sống cùng với anh. Tại buổi hòa giải ngày 08 tháng 8 năm 2021 tại trụ sở Tòa án thành phố C, anh thừa nhận việc mâu thuẫn vợ chồng theo chị T trình bày đều đúng. Tuy vậy, quá trình vợ chồng chung sống thì chị T chưa khi nào góp ý, muốn anh thay đổi để vợ chồng cùng xây dựng tình cảm, hàn gắn với nhau. Chưa kể, chị T không bao giờ quan tâm đến tâm tư, tình cảm của anh. Mỗi lần vợ chồng gần gũi sinh hoạt vợ chồng, anh phải nài nỉ, xin chị T nên anh thấy rằng chị T không có tình cảm với anh. Nhưng vì nghĩ đến con cái nên anh muốn vợ chồng về đoàn tụ để con cái đỡ khổ. Anh sẽ cố gắng khắc phục những khuyết điểm. Do vậy, chị T kiên quyết xin ly hôn, anh vẫn không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Dương Hoàng A, sinh ngày 04/10/2013 và Dương Hoàng A1, sinh ngày 06/01/2017. Nếu vợ chồng ly hôn, anh chị thỏa thuận giao cháu Hoàng A cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Hoàng A1 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện chị T làm tự do tại T, thu nhập hàng tháng là 5.000.000đồng, chị làm theo giờ hành chính. Cháu Hoàng A1 bị bệnh từ nhỏ, phải chữa chạy thường xuyên, chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung với chị mà tùy anh N. Anh N hiện làm tự do, thu nhập hàng tháng là 5.000.000đồng, thời gian làm việc theo giờ hành chính nên anh có điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung, nợ: Chị T và anh N đều xác định không có tài sản chung, nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ.

Qua xác minh với bà H-mẹ đẻ chị T, bà N1-mẹ đẻ anh N, xác nhận: Chị T và anh N sinh sống với nhau 9 năm không xảy ra mâu thuẫn gì lớn. Vào khoảng năm 2017, anh N có mải chơi, gây nợ nần nhiều, thất thoát kinh tế gia đình. Anh N vẫn đi làm để trả nợ và chỉ đưa được ít tiền cho chị T mua bím, sữa cho con. Hiện tại, chị T đã về nhà ngoại sinh sống. Anh N cũng không lên gặp gỡ, động viên chị T về. Gia đình ông bà nội có xuống nói chuyện, trao đổi với chị T nhưng chị T nói rằng sống khổ quá không thể chịu đựng được nữa nên kiên quyết xin ly hôn anh N. Quan điểm gia đình bà N1 đề nghị Tòa án hòa giải, đoàn tụ anh chị. Quan điểm gia đình bà H đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị T và theo quy định của pháp luật. Nếu chị T và anh N ly hôn, Tòa án giao cho anh chị trực tiếp nuôi dưỡng con nào thì hai bên gia đình đều tạo điều kiện, hỗ trợ anh chị trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung.

Tại phiên tòa:

Chị T vắng mặt tại phiên tòa. Anh N thay đổi quan điểm nhất trí ly hôn chị T và có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu Dương Hoàng A, sinh ngày 04/10/2013 và nhất trí không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung với bên nào.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Áp dụng khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83, Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị T. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Hoàng Thị T được ly hôn với anh Dương Văn N. Về con chung: Giao con chung là Dương Hoàng A, sinh ngày 04/10/2013 cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung là Dương Hoàng A1, sinh ngày 06/01/2017 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. kể từ tháng 9 năm 2021 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc có thỏa thuận khác. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung với bên nào. Về tài sản chung, nợ: Không đặt ra giải quyết. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Chị Hoàng Thị T khởi kiện xin ly hôn đối với anh Dương Văn N có địa chỉ cư trú tại phường A, thành phố C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Hoàng Thị T là

nguyên đơn, đã được triệu tập hợp lệ lần thứ nhất và có đơn xin xét xử vắng mặt Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị T và anh Dương Văn N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ tuổi, có đăng ký kết hôn theo luật định. Đây là hôn nhân hợp pháp. Ngay từ khi bắt đầu sinh sống, anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị bất đồng về việc sinh hoạt hằng ngày, làm ăn kinh tế, cư xử với hai bên. Bản thân chị T và anh N không tìm được hướng giải quyết, hòa hợp với nhau trong cuộc sống mà đến năm 2017 anh N mãi chơi, gây nợ nần nhiều, thất thoát kinh tế gia đình khiến mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng, kéo dài. Ngoài ra, anh chị còn bất đồng với nhau trong việc sinh hoạt tình cảm vợ chồng. Hiện anh chị sống ly thân, không còn quan tâm gì đến nhau cả về tình cảm lẫn kinh tế. Anh N mong muốn vợ chồng về đoàn tụ, cùng nuôi dạy con cái nhưng không có biện pháp nào để hàn gắn, đoàn tụ vợ chồng. Vì thế, xét mâu thuẫn vợ chồng chị T anh N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận chị T được ly hôn anh N là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Xét điều kiện nuôi con của hai anh chị thì thấy:

Chị T, anh N có việc làm, có thu nhập, có điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Hiện hai bên gia đình anh chị đều hỗ trợ anh chị trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng các con. Kể từ tháng 6 năm 2021, cháu Hoàng A ở với anh N ở nhà ông bà nội, cháu Hoàng A1 ở với chị T ở nhà ông bà ngoại nên tiếp tục giao Dương Hoàng A, sinh ngày 04/10/2013 cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Dương Hoàng A1, sinh ngày 06/01/2017 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện hoàn cảnh của hai anh chị, phù hợp nguyện vọng của chị T, anh N, cháu Hoàng A. Về yêu cầu cấp dưỡng, anh N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng A, cháu Hoàng A1 ốm đau, thường xuyên phải đi viện nhưng chị T tự nguyện không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nên cần được chấp nhận. Chị T và anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung với nhau.

[2.3]. Về quan hệ tài sản, nợ: Chị T và anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4]. Về án phí: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83, Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều

227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị T.

- Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị T ly hôn anh Dương Văn N.

- Về con chung: Giao con chung là Dương Hoàng A, sinh ngày 04/10/2013 cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung là Dương Hoàng A1, sinh ngày 06/01/2017 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 9 năm 2021 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc có thỏa thuận khác. Chị T và anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung với nhau.

Chị T, anh N có quyền và nghĩa vụ gặp gỡ, thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ: Không đặt ra giải quyết

Về án phí: Chị Hoàng Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, đối trừ với số tiền 300.000 đồng chị T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2018/0002973 ngày 23/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh H.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết. Bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố C;
- UBND phường A, thành phố C (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Chi cục THADS thành phố C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Chu Thị Thu Hương